TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Minh

Bà Phạm Thị Yến

Thư ký phiên toà tại điểm cầu trung tâm: Bà Nại Thị Minh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Văn D - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng và tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 1- Công an thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh ngày 30/6/1981 tại Hải Phòng; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 031081023661; nơi thường trú: Số C (nay là số B) T, phường L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn M (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có vợ là Lê Thúy H, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2003. Nhân thân của bị cáo: Tiền án: 01 tiền án (đã xoá) là Bản án số 31/2015/HSST ngày 17/11/2015, Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Ngày 21/11/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp xong án phí HSST, tiền phạt và lãi suất chậm thi hành án ngày 15/3/2016; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/11/2025 đến ngày 27/11/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố H. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Vi Thị Lan A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 28/7/2024, Trần Phúc L (sinh năm: 1990; ĐKHKTT: Ngách D P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng) sử dụng tài khoản Facebook Trần L gọi điện qua ứng dụng Mesenger đến tài khoản Facebook Trần Q của Trần Văn Q rủ Q sử dụng ma túy tại nhà Q ở địa chỉ số B T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng và thông báo sẽ rủ thêm vài người bạn đến để cùng sử dụng, Q đồng ý. Khoảng rạng sáng ngày 29/7/2024, L đi cùng 01 người phụ nữ tên H1 (chưa xác định được lai lịch) đến. Tại cổng nhà Q, L đưa cho Q 01 gói nilon bên trong chứa 01 cục bột màu trắng là ma túy Ketamine và bảo Quang dẫn H1 vào nhà trước còn L ra đầu ngõ đợi Nguyễn Hồng S (sinh năm: 2000; ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang) và Đồng Thị Bảo H2 (sinh năm: 2003; ĐKHKTT: số H L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng). Khoảng 10 phút sau, S và H2 đến, L dẫn S và H2 vào nhà Q, Q đưa cả nhóm lên phòng ngủ của Q ở tầng 2. Tại đây, L mang ra 05 viên thuốc lắc do L mua từ trước mời mọi người sử dụng. L đưa cho Q 02 viên, Q sử dụng 01 viên còn 01 viên Q để ở bàn trang điểm trong phòng, L đưa H2 01 viên, L tự sử dụng 1 viên, đưa cho S 01 viên nhưng S không sử dụng nên L bẻ đôi cho H2 và L sử dụng nốt. Sau khi sử dụng ma túy thuốc lắc, Q lấy ma túy Ketamine của Q mua từ trước đã chia sẵn vào 02 gói nilon nhỏ đổ ra đĩa sứ trong phòng rồi lấy 01 gói ma túy "nước vui" đổ vào chai nhựa cao khoảng 22cm, đường kính 07cm hòa với nước thành dung dịch màu vàng. Q đổ nước vui ra cốc uống rồi để cả chai ở mặt đệm trong phòng để mọi người cùng sử dụng. Trong khi cả nhóm sử dụng ma túy, L chuyển cho Q số tiền 1.200.000 đồng để Q đặt mua 02 bình khí "bóng cười" để cả nhóm sử dụng. Sau đó, Q ngồi ở ghế bàn trang điểm nhắm mắt nghe nhạc. Một lúc sau, Q thấy đĩa sứ đựng Ketamine đã đánh sẵn để trên mặt đệm nên Q tự sử dụng hai đường bằng cách dùng ống hút hít ma túy bằng mũi rồi tiếp tục nằm nghe nhạc. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, S xuống đón Vi Thị Lan A (sinh năm: 2003; ĐKHKTT: Bản Poom Lầu, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An) lên phòng Q. S mời Lan A sử dụng ma túy "nước vui" và ma túy thuốc lắc. Cả nhóm sử dụng ma túy, nghe nhạc đến khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 29/7/2024 thì ra về. Trước khi về, L nói với Q "anh đưa cho em túi K" thì Q đưa lại cho L gói nilon đựng ma túy Ketamine mà L đưa cho Q trước đó chưa sử dụng đến. Sau đó, L và cả nhóm đi đâu làm gì Q không biết. Đến

trưa ngày 29/7/2024, sau khi nghe tin nhóm của L bị lực lượng Công an quận H bắt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Q bỏ trốn khỏi địa phương.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Q:

- T1 tại ngăn kéo kệ tivi đối diện phòng ngủ của bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959 (mẹ đẻ của Q) ở tầng 1: 01 túi nilon màu đỏ, bên trong có túi nilon màu đen chứa 01 túi nilon kích thước 09 x13cm đựng tinh thể màu trắng (mẫu M1); nhiều vỏ túi nilon dạng túi zip và 01 cân tiểu ly; 01 hộp nhựa hình trụ tròn cao 09cm, đường kính 07cm bên trong có 01 túi nilon nhãn hiệu deadpool chứa chất bột màu vàng, kích thước 07x10cm (mẫu M2).

- T1 tại phòng ngủ tầng 2 của Q:

+ T1 tại kệ đầu giường ngủ 01 cân tiểu ly, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 17cm trên bề mặt có bám dính tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa có bám dính tinh thể màu trắng và 01 ống hút nhựa màu hồng dài khoảng 10cm trong có bám dính tinh thể màu trắng (mẫu M3).

+ T1 tại kệ tivi trong phòng ngủ tầng 2: 01 loa xách tay, 01 máy tạo khói, 01 đèn nháy.

+ T1 tại bàn trang điểm trong phòng ngủ 01 chai nhựa cao khoảng 22cm, đường kính 07cm bên trong chứa chất lỏng màu vàng (mẫu M4) và 01 cốc thủy tinh (mẫu M5).

+ T1 tại ngăn kéo bàn trang điểm 01 thìa kim loại bám dính tinh thể màu trắng (mẫu M6); 01 túi nilon kích thước 05x08cm bên trong chứa 02 viên nén màu xám hình lựu đạn (mẫu M7); 01 túi nilon kích thước 07x11,5cm bên trong chứa chất bột màu xanh (mẫu M8); 01 túi nilon kích thước 7,5x5cm bên trong bám dính chất bột màu cam (mẫu M9); 01 túi nilon kích thước 2,5x2,5cm bên trong có bám dính tinh thể màu trắng (mẫu M10); 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng có bám dính tinh thể màu trắng (mẫu M11); 01 túi nilon kích thước 05x08cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu M12); 01 vỏ túi nilon màu đỏ nhãn hiệu Ferrari đã bị xé, bên trong chứa chất bột màu vàng (mẫu M13).

+ T1 sau cánh cửa phòng ngủ tầng 2: 02 vỏ bình hình trụ tròn màu xanh cao khoảng 70cm, đường kính khoảng 15cm và 01 vỏ bóng cao su.

Kết luận giám định số 918/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H, kết luận:

- Tinh thể màu trắng của mẫu M1 gửi giám định (01 túi nilon kích thước 09x13cm đựng tinh thể màu trắng) có khối lượng 27,34 gam, loại: Ketamine.

- Chất bột màu vàng của mẫu M2 gửi giám định (01 túi nilon nhãn hiệu deadpool kích thước 07x10cm) có khối lượng 2,57 gam, loại: Methamphetamine, MDMA, Nimetazepam.

- Tinh thể màu trắng bám dính trên đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút của mẫu M3 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Không đủ điều kiện để xác định khối lượng.

- Chất lỏng màu vàng của mẫu M4 gửi giám định có thể tích 5ml, tìm thấy dấu vết chất ma túy loại Methamphetamine và Nimetazepam, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy.

- Cốc thủy tinh mẫu M5 không tìm thấy tiền chất và chất ma túy.

- Chất bột màu trắng bám dính trên thìa kim loại của mẫu M6 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

- Hai viên nén màu xám của mẫu M7 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,12 gam là loại MDMA.

- Chất bột màu xanh của mẫu M8 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,13 gam là loại MDMA.

- Chất bột màu cam bám dính trong túi nilon của mẫu M9 gửi giám định là ma túy, loại MDMA và Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

- Tinh thể màu trắng bám dính trong túi nilon của mẫu M10 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

- Tinh thể màu trắng bám dính trên tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng của mẫu M11 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

- Tinh thể màu trắng của mẫu M12 gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,03 gam, là loại Ketamine.

- Chất bột màu vàng bám dính trong túi nilon của mẫu M13 gửi giám định là ma túy, loại MDMA và Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

Kết luận giám định số 6431/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của V Bộ C kết luận: Khối lượng chất ma túy Nimetazepam trong 2,57 gam chất bột màu vàng mẫu M2 là 0,0257 gam; khối lượng chất ma túy Methamphetamine và MDMA trong 2,57 gam chất bột màu vàng mẫu M2 là 2,5443 gam.

Ngày 02/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại của Trần Phúc L, Nguyễn Hồng S phát hiện một số cuộc gọi Messenger, tin nhắn Messerger giữa FB T (fb của L) với FB: Tran Van Q1 (fb của đối tượng Q1) và FB Mie Mie (fb của H1) vào khoảng thời gian ngày 28/7/2024 và 29/7/2024 liên quan đến việc rủ nhau sử dụng ma túy phù hợp với Kết luận giám định số 2747/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H về khôi phục dữ liệu điện thoại.

Ngày 18/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã ra Quyết định truy nã bị can số 2553 đối với Trần Văn Q. Ngày 20/11/2025, Trần Văn Q bị

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt truy nã tại Cửa khẩu Quốc tế H, tỉnh An Giang.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Q khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên. Ngoài ra, Q khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nơi ở của Q là do Q mua vào ngày 27/7/2024 nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Q đi một mình ra khu vực đường T, phường L, thành phố Hải Phòng gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi ma túy Ketamine 30 gam với giá 18.000.000 đồng và 02 túi ma túy nước vui với giá 2.500.000 đồng/ 01 túi. Q được người đàn ông này cho 01 túi nilon kích thước 05x08cm chứa 02 viên nén màu xám là ma túy thuốc lắc, 01 gói nilon bên trong chứa một ít chất bột màu xanh và 01 gói nilon chứa một ít chất bột màu cam là ma túy "nước vui" để dùng thử. Sau khi mua được ma túy Q mang về nhà cất giấu. Tối cùng ngày Q lấy gói nilon chứa chất bột màu cam (nước vui) được người đàn ông bán ma túy cho lúc sáng, pha cùng với nước rồi tự sử dụng một mình. Còn gói nilon chứa 02 viên ma túy thuốc lắc và gói nilon chứa chất bột màu xanh Q cất ở bàn trang điểm trong phòng ngủ. Gói ma túy Ketamine và 02 gói nước vui Q cất giấu ở ngăn kéo kệ tivi tầng 1. Đến tối ngày 28/7/2024, khi L rủ sử dụng ma túy, Q đã lấy một ít ma túy Ketamine cất giấu ở tầng 1 cho vào 02 túi nilon nhỏ và lấy 01 gói nước vui Ferrari chứa chất bột màu vàng mang lên phòng ngủ ở tầng 2 để sử dụng cùng nhóm của L vào rạng sáng ngày 29/7/2024.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Trần Phúc L, Nguyễn Hồng S, Đồng Thị Bảo H2, Vi Thị Lan A phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 27/CT - VKS ngày 01 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Văn Q có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bị cáo Trần Văn Q, từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý; từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái

phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị:

Tịch thu tiêu huỷ 26,17 gam tinh thể của mẫu M1; 0,90 gam chất bột được nghiền từ 02 viên nén của mẫu M7 được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số: 918MT/PC09 và chữ kí của những người có liên quan; 1,43 gam chất bột màu vàng (đã bị chảy nước) và vỏ bao gói trong niêm phong số 6431/C09(TT2), trên niêm phong có dấu của V và chữ kí, họ tên: Vũ Tân H3, Đoàn Thị Lệ H4; 01 hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân gồm các vật chứng thu giữ được ký hiệu từ M1 đến M13, cụ thể: 01 túi nilon kích thước 09 x13cm, 01 túi nilon nhãn hiệu deadpool, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 17cm, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút nhựa màu hồng dài khoảng 10cm, 01 chai nhựa cao khoảng 22cm, đường kính 07cm, 01 thìa kim loại, 01 túi nilon kích thước 05x08cm, 01 túi nilon kích thước 07x11,5cm; 01 túi nilon kích thước 7,5x5cm; 01 túi nilon kích thước 2,5x2,5cm; 01 túi nilon kích thước 05x08cm; 01 vỏ túi nilon màu đỏ nhãn hiệu Ferrari; 01 loa, 01 máy tạo khói, 01 đèn nháy, 02 vỏ bình khí bằng kim loại bên trong không chứa chất khí, 01 vỏ bóng cao su, 02 cân tiểu ly, nhiều vỏ túi nilon dạng túi zip. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng trên mặt in dãy số 3749334 được niêm phong trong hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, báo cáo bắt giữ, bản kết luận giám định, nội dung bản cáo trạng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 29/7/2024, tại nhà riêng của mình ở địa chỉ số C (nay là số B) T, phường L, thành phố Hải Phòng, Trần Văn Q đã cung cấp địa điểm, ma túy Ketamine, "nước vui" và chuẩn bị công cụ, loa, đèn để bản thân cùng với Trần Phúc L, H1, Nguyễn Hồng S, Đồng Thị Bảo H2, Vi Thị Lan A, sử dụng trái phép chất ma túy. Trần Văn Q còn cất giấu trái phép 27,3957 gam ma túy Ketamine; 3,7943 gam ma túy MDMA và Methamphetamine; 0,0257 gam ma túy Nimetazepam nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy là 39,9%.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn Q có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý quy định tại điểm b (đối với 02 người trở lên) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý quy định tại điểm n (có 02 chất ma tuý trở lên…) khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội, làm suy thoái đạo đức lối sống và là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác gây mất trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó đã thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng đối với hành vi phạm tội của mình.

[5] Về nhân thân của bị cáo: Có 01 tiền án (đã xoá) là Bản án số 31/2015/HSST ngày 17/11/2015, Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Ngày 21/11/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, tiền phạt và lãi suất chậm thi hành án ngày 15/3/2016; tiền sự: Không.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội

của mình, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của bị cáo:

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn giữa L, Q và các đối tượng khác không có sự bàn bạc trước về việc sử dụng ma tuý tại nhà của Q. Trong vụ án này Trần Phúc L là người khởi sướng và chủ động rủ Q sử dụng ma túy tại nhà Q được Q đồng ý, L rủ thêm H1, S, H2 và Lan A cùng sử dụng ma tuý tại nhà Q. Ngoài số ma tuý của L còn có ma túy của Q mua từ trước để mọi người cùng sử dụng.

Đánh giá vai trò của bị cáo Q trong vụ án là thứ yếu sau L và cao hơn các đối tượng còn lại vì Q đã cung cấp địa điểm, dụng cụ và ma tuý để L, H1, S, H2 và Lan A cùng sử dụng ma tuý tại nhà Q.

[8] Về hình phạt: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, làm suy thoái đạo đức lối sống và là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác gây mất trật tự xã hội.

Do vậy cần phải xử lý nghiêm, bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Vì bị cáo bị xét xử về hai tội nên tổng hợp hình phạt của cả hai tội, theo quy định tại Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Phúc L, Nguyễn Hồng S, tại bản án số 49/2025/HS-ST ngày 09/4/2025, Toà án nhân dân quận Hải An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng) đã xét xử, tuyên phạt bị cáo Trần Phúc L 10 năm tù; bị cáo Nguyễn Hồng S 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; trong bản án này đối với L chịu ba tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a (phạm tội 02 lần trở lên), b (đối với 02 người), h (tái phạm nguy hiểm) Điều 255 Bộ luật hình sự; nên xem xét đánh giá mức độ hành vi phạm tội của Trần Văn Q chỉ chịu một tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b (đối với 02 người) Điều 255 Bộ luật hình sự, để so sánh với Trần Phúc L, Nguyễn Hồng S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" khi đưa ra mức hình phạt đối với Q.

Đối với Đồng Thị Bảo H2, Vi Thị Lan A đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với đối tượng bán ma túy cho Trần Văn Q và đối tượng tên H1 hiện chưa xác minh được căn cước lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Đối với bà Nguyễn Thị T không biết việc Trần Văn Q và các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không biết Q tàng trữ ma túy tại nhà nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi Trần Văn Q sử dụng ma túy "nước vui" và "bóng cười" đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng của vụ án là 26,17 gam tinh thể của mẫu M1; 0,90 gam chất bột được nghiền từ 02 viên nén của mẫu M7 được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số: 918MT/PC09 và chữ kí của những người có liên quan; 1,43 gam chất bột màu vàng (đã bị chảy nước) và vỏ bao gói trong niêm phong số 6431/C09(TT2), trên niêm phong có dấu của V và chữ kí, họ tên: Vũ Tân H3, Đoàn Thị Lệ H4; 01 hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân gồm 01 túi nilon kích thước 09 x13cm, 01 túi nilon nhãn hiệu deadpool, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 17cm, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút nhựa màu hồng dài khoảng 10cm, 01 chai nhựa cao khoảng 22cm, đường kính 07cm, 01 thìa kim loại, 01 túi nilon kích thước 05x08cm, 01 túi nilon kích thước 07x11,5cm; 01 túi nilon kích thước 7,5x5cm; 01 túi nilon kích thước 2,5x2,5cm; 01 túi nilon kích thước 05x08cm; 01 vỏ túi nilon màu đỏ nhãn hiệu Ferrari (các mẫu M1 đến M13, trừ mẫu M11); 01 loa, 01 máy tạo khói, 01 đèn nháy, 02 vỏ bình khí bằng kim loại bên trong không chứa chất khí, 01 vỏ bóng cao su, 02 cân tiểu ly, nhiều vỏ túi nilon dạng túi zip đều là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy và tịch thu sung quỹ nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng trên mặt in dãy số 3749334 (mẫu M11) được niêm phong trong hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý; 06 (sáu) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tuyên:

Tịch thu tiêu huỷ 26,17 gam tinh thể của mẫu M1; 0,90 gam chất bột được nghiền từ 02 viên nén của mẫu M7 được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số: 918MT/PC09 và chữ kí của những người có liên quan; 1,43 gam chất bột màu vàng (đã bị chảy nước) và vỏ bao gói trong niêm phong số 6431/C09(TT2), trên niêm phong có dấu của V và chữ kí, họ tên: Vũ Tân H3, Đoàn Thị Lệ H4; 01 hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân gồm các vật chứng thu giữ được ký hiệu từ M1 đến M13, cụ thể: 01 túi nilon kích thước 09 x13cm, 01 túi nilon nhãn hiệu deadpool, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 17cm, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút nhựa màu hồng dài khoảng 10cm, 01 chai nhựa cao khoảng 22cm, đường kính 07cm, 01 thìa kim loại, 01 túi nilon kích thước 05x08cm, 01 túi nilon kích thước 07x11,5cm; 01 túi nilon kích thước 7,5x5cm; 01 túi nilon kích thước 2,5x2,5cm; 01 túi nilon kích thước 05x08cm; 01 vỏ túi nilon màu đỏ nhãn hiệu Ferrari; 01 loa, 01 máy tạo khói, 01 đèn nháy, 02 vỏ bình khí bằng kim loại bên trong không chứa chất khí, 01 vỏ bóng cao su, 02 cân tiểu ly, nhiều vỏ túi nilon dạng túi zip. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng trên mặt in dãy số 3749334 được niêm phong trong hộp giấy có dấu niêm phong của Phòng PC09 và chữ kí của người niêm phong chứa các mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân (Theo biên bản giao nhận tài sản vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Hải Phòng).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4,6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND khu vực 4;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQCSĐT, CQTHAHS – Công an TP Hải Phòng;
- PV06 – Công an TP Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Trại tạm giam
- TAND thành phố Hải Phòng
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Tuyến